TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH XUÂN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ---------- *Hà Nội, ngày 08 tháng 9 năm 2023*

Số: 460/2023/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn thụ lý số: 426/2023/TB-TL ngày 31 tháng 8 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Ông N T Đ Sinh năm: 1969

Nơi thường trú: xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

- Bà P T N Sinh năm: 1971

Nơi thường trú: phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông N T Đ và bà P T N kết hôn trên cơ sở tự nguyện ngày 05/4/1997 tại Ủy ban nhân dân xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 15/6/2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không tìm được tiến nói chung, bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống hàng ngày. Hai vợ chồng đã tìm cách tháo gỡ nhưng không có kết quả, anh chị đã sống ly thân. Nay ông N T Đ và bà P T Ncùng đề nghị được Tòa án giải quyết thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông N T Đ và bà P T N xác nhận có 02 con chung là chị N V T, sinh ngày 11/9/1997; chị N V N, sinh ngày 18/3/2003. Con chung đã trưởng thành, việc ở với ai do chị N V T và chị N V N tự quyết định.

[3] Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Ông N T Đ và bà P T N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ: Ông N T Đ và bà P T N xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Ông N T Đ và bà P T N chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó**.**

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông N T Đ và bà P T N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông N T Đ và bà P T N xác nhận có 02 con chung là chị N V T, sinh ngày 11/9/1997; chị N V N, sinh ngày 18/3/2003. Con chung đã trưởng thành, việc ở với ai do chị N V T và chị N V N tự quyết định.

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Ông N T Đ và bà P T N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xét.

- Về nợ: Ông N T Đ và bà P T N xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Tòa không xét.

- Về lệ phí: Ông N T Đ và bà P T N mỗi người phải nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí ông bà đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0004207 ngày 31/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

- Về những vấn đề khác: Ông N T Đ và bà P T N không có yêu cầu gì khác.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội
- VKSND quận Thanh Xuân;
- Chi cục THA dân sự quận Thanh Xuân;
- Ủy ban nhân dân xã Nguyên Khê, Đông Anh, Hà Nội (Chứng nhận kếtt hôn số 22/quyển số 01/1997);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN

Thẩm phán

Đinh Thị Kiều My